TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHƯỚC LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16*/2019/DS-ST*
Ngày 27-11-2019
"V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tất Thắng
Ông Võ Đông Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long *tham gia phiên tòa*: Ông Lê Đức Thọ – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/QĐST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bích L**,** sinh năm 1957 (có mặt)
Địa chỉ: Tổ 3, khu phố 2, phường B, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị L1 (Tư P), sinh năm 1977 (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 2, khu phố 1, phường B, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

3. Người làm chứng:

- Bà Trần Thị A, sinh năm 1954 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khu phố 2, phường B, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.
- Bà Nguyễn Thị Hồng L2 (L2), sinh năm 1979 (có mặt)
Địa chỉ: Khu phố 1, phường B, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.
- Bà Danh Thị H, sinh năm (vắng mặt)
Địa chỉ: Khu phố 1, phường B, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 7 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày như sau:

Vì là chỗ quen biết nên bà L1 (tên thường gọi là P) có đến nhà nhờ bà L vay dùm cho số tiền 50.000.000 đồng để bà L1 đóng hợp đồng thuê quầy bán quần áo tại trung tâm tH mại B. Khi đó, do bà L chỉ có 15.000.000 đồng nên đưa trước cho bà L1, đến chiều bà L mượn được tiền của người khác và viết giấy nhận nợ với bên cho vay về đưa cho bà L1 thêm 35.000.000 đồng cho đủ 50.000.000 đồng và bà L có viết vào sổ

của mình và yêu cầu bà L1 ký tên phía dưới, thời gian vay thỏa thuận miệng là khoảng 01 tuần nên không thỏa thuận lãi vay.

Khoảng 01 tuần sau bà L nghe tin bà L1 bị bể nợ nên đã nhiều lần gọi điện yêu cầu bà L1 trả tiền vay nhưng bà L1 cứ hứa hết lần này đến lần khác không chịu trả cho bà Ly.

Do đó, bà L làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phước Long buộc bà Trần Thị L1 (tên thường gọi là P) trả cho bà L số tiền đã vay là 50.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 14/7/2019 cho đến khi tuyên án theo mức lãi suất ngân hàng.

Bị đơn bà Trần Thị L1 (Tư P) đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có ý kiến trình bày của bà L1.

Người làm chứng Trần Thị A trình bày:

Bà A là chị ruột của bà L, không có quan hệ gì với bà L1 nhưng biết rõ bà L1 vì bà L1 phụ bán cơm cho bà A gần 10 năm. Bà L1 còn có tên thường gọi là Tư P nên khi vay mượn tiền của bà A và bà L, bà L1 ký nhận là P và ghi đầy đủ là Trần Thị P.

Người làm chứng Nguyễn Thị Hồng L2 trình bày:

Bà L2 với bà L và bà L1 là bạn bè quen biết lâu năm nên vào tháng 3/2019 bà L2 có cho bà L1 vay tiền, sau đó bà L1 đi đâu không ai biết, điện thoại gọi không nghe máy, lúc này bà L2 mới biết ngoài bà ra bà L1 còn vay mượn của bà L và một số người khác nữa đến nay vẫn chưa trả. Do thường ngày mọi người đều gọi bà L1 là Tư P nên khi ký tên người mượn tiền bà L1 ký là P, Trần Thị P.

Người làm chứng Danh Thị H trình bày:

Bà H làm công tác phụ nữ tại khu phố nơi bà L1 sinh sống từ năm 1998 đến năm 2015, từ 2016 đến nay bà H chuyển sang làm phó khu trưởng khu phố nên thường xuyên làm việc với bà L1 liên quan đến giấy tờ như vay vốn phụ nữ nghèo, khai thông tin làm căn cước công dân nên bà H biết rõ bà Tư P là tên thường gọi, còn tên trên giấy tờ là Trần Thị L1.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vay 50.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật từ ngày 14/7/2019 cho đến ngày tuyên án.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.
- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản giữa nguyên đơn Trần Thị Bích L và bị đơn Trần Thị L1 (tên thường gọi là Tư P); Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại địa phận thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước và được xác định là nơi cư trú cuối cùng vì theo như biên bản xác minh ngày 16/7/2019 tại chính quyền địa phương, bị đơn đi khỏi địa phương từ khoảng tháng 5/2019 đến nay, không rõ đi đâu vì

không thông báo cho địa phương cũng như những người có giao dịch dân sự với bà L1 biết nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc trường hợp giải quyết theo thủ tục chung được quy định tại khoản 3 Điều 5, điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2] Về quyền khởi kiện: Theo như văn bản ghi nhận giao dịch vay mượn tiền do nguyên đơn cung cấp thì chỉ ghi nhận thời điểm và số tiền cho vay, không ghi nhận về thời hạn vay cũng như lãi suất vay, và do không làm việc được với bị đơn để xác định thời hạn vay, có thỏa thuận lãi suất hay không nên Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi. Nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ thông báo cho bên vay biết nghĩa vụ trả tiền trước một thời gian hợp lý nhưng bên vay vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên nguyên đơn có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 4 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự.

[3] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Người làm chứng Trần Thị A và Danh Thị H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng theo quy định tại khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như văn bản ghi nhận giao dịch vay mượn có chữ ký P, Trần Thị P do nguyên đơn cung cấp và ý kiến trình bày của nguyên đơn, xác định vào ngày 10/3/2019 âm lịch, tức 14/4/2019 dương lịch, bà P có mượn của bà L số tiền 50.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất vay, bà L đã có thông báo yêu cầu bà P trả số tiền vay trên nhưng cho đến nay bà P vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Và căn cứ vào ý kiến trình bày của những người làm chứng cũng như văn bản ghi nhận nợ mà bà A, bà L2 cung cấp, xác định "P, Trần Thị P" là tên thường gọi của bà Trần Thị L1. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền vay là 50.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải chịu tiền lãi chậm trả kể từ ngày 14/7/2019 cho đến ngày tuyên án, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự và Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên cần chấp nhận.

50.000.000 đồng x 10%/năm x 04 tháng 13 ngày = 1.839.829 đồng.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 5, điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng Điều 463, khoản 1, 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Bích L.

Buộc bị đơn Trần Thị L1 (tên thường gọi là Tư P) trả cho nguyên đơn Trần Thị Bích L số tiền vay là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi chậm trả là 1.839.829 đồng (*Một triệu tám trăm ba mươi chín nghìn tám trăm hai mươi chín đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho người được thi hành án thì ngoài số tiền chậm trả, hàng tháng người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Bà Trần Thị L1 (tên thường gọi là Tư P) phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.591.991 đồng (*Hai triệu năm trăm chín mươi mốt nghìn chín trăm chín mươi mốt đồng*).

Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước hoàn trả cho bà Trần Thị Bích L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng (*Một triệu hai trăm năm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0006469 ngày 16 tháng 7 năm 2019.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án 27/11/2019; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND thị xã Phước Long;*
- *Chi cục THADS thị xã Phước Long;*
- *Các Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt